

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 - 01 - 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung sau ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;
2. Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Xóm C, thôn L, xã P, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có tìm hiểu trước hôn nhân sau đó có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội “cũ” (Nay là UBND xã K, thành phố Hà Nội) và có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn bắt nguồn từ việc anh Phạm Văn T nợ nần quá nhiều, không còn quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại hàn gắn, hoà giải nhưng không thành. Một thời gian sau đó thì anh T, chị H ly thân và không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị thống nhất yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con chung sau ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn của anh, chị đã kéo dài, không thể hàn gắn được.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có 03 con chung là cháu Phạm Long K, sinh ngày 16/10/2009; cháu Phạm Thành A, sinh ngày 27/09/2014; cháu Phạm Trâm A1, sinh ngày 27/03/2021. Sau ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác; giao cháu A và cháu Trâm A1 cho chị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị thoả thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thoả thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh chị thống nhất để chị Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có 03 con chung là cháu Phạm Long K, sinh ngày 16/10/2009; cháu Phạm Thành A, sinh ngày 27/09/2014; cháu Phạm Trâm A1, sinh ngày 27/03/2021. Sau ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác; giao cháu A và cháu Trâm A1 cho chị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng.

1.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000642 ngày 10 - 01 - 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiều Phú (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu HSVDS/VP.

THẨM PHÁN

Kiều Duy Chính